

Số: 69/KL-TTTP

Hải Phòng, ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT LUẬN

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi tài chính và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản niên độ 2022-2023 tại 04 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi: Đa Độ, An Hải, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo

Thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2024, ngày 26/4/2024 Chánh thanh tra thành phố ban hành Quyết định số 93/QĐ-TTTP về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi tài chính và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản niên độ 2022-2023 tại 04 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Khai thác công trình thủy lợi: Đa Độ, An Hải, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo. Từ ngày 13/5/2024 đến ngày 05/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại 04 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi: Đa Độ, An Hải, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo và làm việc với các đơn vị, cá nhân liên quan.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTT ngày 26/8/2024 của Đoàn thanh tra và Báo cáo số 01/BC-TTĐ ngày 16/9/2024 của Tổ thẩm định dự thảo kết luận thanh tra, Thanh tra thành phố kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là Công ty thủy lợi) là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng làm chủ sở hữu.

04 Công ty thủy lợi hoạt động theo mô hình: Chủ tịch công ty; Kiểm soát viên công ty; Tổng Giám đốc, trong đó Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật; Phó tổng Giám đốc; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

04 Công ty thủy lợi được giao quản lý, khai thác các công trình công dưới đê; các tuyến kênh; trạm bơm tưới, tiêu; công trình kênh tưới sau trạm bơm; công trình trên kênh trên địa bàn các quận, huyện: An Lão, Kiến Thụy, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn, An Dương, Hồng Bàng, Hải An, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo.

Ngày 13/3/2023, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 637/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Nhiệm vụ chính của 04 Công ty thủy lợi được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, tưới tiêu,

phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn được giao. Cung cấp nước thô cho sản xuất nước sạch.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Công tác quản lý thu, chi tài chính

1. Công tác quản lý thu, chi tài chính

Theo Báo cáo và hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quản lý thu, chi tài chính do 04 Công ty thủy lợi cung cấp cho thấy:

1.1. Năm 2022

- Tổng doanh thu là 282.399,395 triệu đồng, trong đó:
 - + Doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi là 105.599,290 triệu đồng, chiếm 37,39% tổng thu.
 - + Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác (*cung cấp nước thô*) là 92.622,126 triệu đồng, chiếm 32,80% tổng thu.
 - + Doanh thu hoạt động kinh doanh tổng hợp (*xây dựng cơ bản, tài chính, thu nhập khác*) 84.177,979 triệu đồng, chiếm 29,81%.
- Tổng chi là 269.036,623 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi phí liên quan dịch vụ thủy lợi là 189.174,780 triệu đồng, chiếm 70,32%.
 - + Chi phí liên quan hoạt động kinh doanh tổng hợp là 79.861,842 triệu đồng, chiếm 29,68% tổng chi.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 13.632,772 triệu đồng.

1.2. Năm 2023

- Tổng doanh thu là 274.801,036 triệu đồng, trong đó:
 - + Doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi là 103.248,975 triệu đồng, chiếm 37,57% tổng thu.
 - + Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác (*cung cấp nước thô*) là 98.257,322 triệu đồng, chiếm 35,76% tổng thu.
 - + Doanh thu hoạt động kinh doanh tổng hợp (*xây dựng cơ bản, tài chính, thu nhập khác*) 73.294,738 triệu đồng, chiếm 26,67%.
- Tổng chi: 259.133,167 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi phí liên quan dịch vụ thủy lợi là 191.174,432 triệu đồng, chiếm 73,77%.
 - + Chi phí liên quan hoạt động kinh doanh tổng hợp là 67.958,735 triệu đồng, chiếm 26,23% tổng chi.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 15.667,869 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01)

Nhận xét

- 04 Công ty thủy lợi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022, năm 2023; Căn cứ kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, các Công ty thủy

lợi chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định tại Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

- 04 Công ty thủy lợi cơ bản đã hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, năm 2023 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Đối với hoạt động dịch vụ thủy lợi: Công ty ký hợp đồng và nghiệm thu, thanh lý với các đối tượng sử dụng, làm căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch và phân bổ, phê duyệt kinh phí. Đơn giá của các dịch vụ thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc kéo dài thời hạn áp dụng Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Đây cũng là nguồn thu chủ yếu của Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo và Công ty thủy lợi Tiên Lãng (*Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo: năm 2022 chiếm 89,53% tổng thu; năm 2023 chiếm 89,33% tổng thu; Công ty thủy lợi Tiên Lãng: năm 2022 chiếm 97,80% tổng thu; năm 2023 chiếm 94,2% tổng thu*).

- Đối với hoạt động dịch vụ cung cấp nước thô: Công ty thủy lợi tiến hành ký hợp đồng cung cấp nước thô với các công ty kinh doanh nước sạch (gọi tắt là nhà máy nước mini) và Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng. Doanh thu căn cứ vào khối lượng nghiệm thu thực tế¹ và đơn giá tạm tính là 900 đồng/m³ theo Văn bản số 2418/UBND-MT ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu, nộp thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với các doanh nghiệp khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Việc chi lương và các khoản phụ cấp theo lương được thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Việc trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động thực hiện theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội.

- Việc trích khấu hao của 04 Công ty thủy lợi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và

¹ Đoàn thanh tra không làm việc trực tiếp với các nhà máy nước mini; Theo báo cáo của các Công ty thủy lợi: Khối lượng nghiệm thu thực tế được xác định theo thiết bị xác định lưu lượng nước hoặc dựa trên công suất thiết kế của các nhà máy trên cơ sở công suất máy bơm và số giờ vận hành thực tế hoặc căn cứ vào hóa đơn bán nước sạch cho các hộ sử dụng do các nhà máy nước mini cung cấp; Đoàn thanh tra không xác minh số liệu

quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính.

- 04 Công ty thủy lợi đã thực hiện việc mở sổ sách kế toán để theo dõi các nguồn thu, chi từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm. Báo cáo tài chính được lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Khuyết điểm, hạn chế

(1) Về thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Tại Công ty thủy lợi Tiên Lãng:

+ Còn một số chỉ tiêu doanh thu chưa hoàn thành kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, cụ thể:

Doanh thu hoạt động dịch vụ cung cấp nước thô năm 2022 đạt 67,91% kế hoạch; năm 2023 đạt 94,7% kế hoạch; Nguyên nhân do: trong quá trình thực hiện, các nhà máy nước mini thiếu hợp tác và chưa có quy định xử lý cụ thể đối với các đơn vị, dẫn đến Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện ký hợp đồng và thu tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác năm 2022 đạt 52,25% kế hoạch; Nguyên nhân do: năm 2022 công ty không còn lãi tiền gửi ngân hàng từ nguồn vốn điều lệ cấp bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống thủy lợi phân vùng tưới tiêu Nam Sông Mới, trong năm 2022 công ty đã cơ bản hoàn thành dự án và giải ngân gần hết nguồn vốn của dự án trên.

Chỉ tiêu doanh thu hoạt động tiêu nước tại các Khu công nghiệp² trên địa bàn quản lý.

- Tại Công ty thủy lợi An Hải chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu hoạt động tiêu nước tại các Khu công nghiệp³ trên địa bàn quản lý.

Theo báo cáo của Công ty thủy lợi Tiên Lãng và Công ty thủy lợi An Hải: Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu hoạt động tiêu nước tại các Khu công nghiệp trên địa bàn quản lý, nguyên nhân do: Đơn giá sản phẩm dịch vụ tiêu nước Khu công nghiệp chưa được các cơ quan có thẩm quyền quy định, do vậy Công ty không có cơ sở để ký kết hợp đồng và thu tiền cung cấp sản phẩm dịch vụ trên. Chi phí phục vụ cho sản phẩm tiêu thoát nước Công ty phải cân đối từ doanh thu của các dịch vụ khác nhằm đảm bảo công tác vận hành hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn quản lý.

(2) Đối với hoạt động dịch vụ cung cấp nước thô

- Tính đến hết năm 2023, còn 18 nhà máy nước mini⁴ sử dụng nước thô do 03 Công ty thủy lợi (Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Đa Độ) cung cấp vẫn chưa lắp đặt

² Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty thủy lợi Tiên Lãng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 06/5/2022, chỉ tiêu thu hoạt động tiêu nước khu công nghiệp: 86 triệu đồng; trong năm chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

³ Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho Công ty thủy lợi An Hải: Chỉ tiêu doanh thu hoạt động tiêu nước Khu công nghiệp năm 2022 là 669.600 triệu đồng; năm 2023 là 445 triệu đồng; trong năm chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

⁴ 18 nhà máy nước mini gồm:

thiết bị xác định lưu lượng nước theo quy định tại khoản 1⁵ Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước để làm cơ sở cho việc ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

Theo báo cáo của 03 Công ty thủy lợi: Các Công ty đã có văn bản đôn đốc các nhà máy nước lắp đặt thiết bị xác định lưu lượng nước theo quy định tuy nhiên đến nay các nhà máy nước vẫn chưa thực hiện dẫn đến việc ký kết hợp đồng và nghiệm thu thanh lý hợp đồng gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định sản lượng thực tế tiêu thụ.

- Tính lũy kế đến thời điểm thanh tra, nợ phải thu tiền dịch vụ thủy lợi (đối tượng không được miễn) của Công ty Thủy lợi Đa Độ là 4.749.331.000 đồng (nợ trước năm 2022 là 4.001.331.000 đồng, nợ trong giai đoạn 2022-2023 là 748.000.000 đồng)⁶; nợ phải thu tiền nước thô của 04 Công ty thủy lợi là 1.828.725.310 đồng, cụ thể:

+ Tại Công ty Thủy lợi Vĩnh Bảo: Công ty Cổ phần Tân Sơn còn nợ tiền nước thô 6 tháng cuối năm 2023 là 25.414.000 đồng.

+ Tại Công ty Thủy lợi Tiên Lãng: 04 nhà máy nước mini nợ tiền nước thô là 1.229.907.600 đồng⁷ (nợ trước năm 2022 là 1.030.607.500 đồng; nợ trong giai đoạn 2022 - 2023 là 199.300.100 đồng).

+ Công ty Thủy lợi Đa Độ: 04 nhà máy nước mini còn nợ tiền nước thô là 206.072.760 đồng⁸ (nợ trước năm 2022 là 72.931.800 đồng; nợ trong giai đoạn 2022 - 2023 là 133.140.960 đồng).

+ Công ty Thủy lợi An Hải: Hợp tác xã sản xuất kinh doanh Dịch vụ nông nghiệp Tân Tiến còn nợ tiền nước thô là 367.330.950 đồng (nợ trước năm 2022 là 205.065.000 đồng; nợ trong giai đoạn 2022 - 2023 là 162.265.950 đồng).

Theo Báo cáo giải trình của các Công ty:

Nguyên nhân nợ đọng nêu trên là do các tổ chức, Nhà máy chảy ý không nộp tiền, không thực hiện theo hợp đồng đã ký kết. Mặc dù, các Công ty thủy lợi đã nhiều lần có văn bản đôn đốc các tổ chức, Nhà máy và có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban

(1) Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo vẫn còn 06/09 nhà máy nước mini (Công ty TNHH kinh doanh nước sạch Vĩnh Lợi; Công ty TNHH xây dựng thương mại Trung Thu; Công ty cổ phần Tân Sơn; Công ty dịch vụ thương mại Hùng Kim; Công ty TNHH Quang Sáng; Công ty TNHH thương mại, vận tải và xây dựng Thịnh Lộc).

(2) Công ty thủy lợi Tiên Lãng vẫn còn 08/09 nhà máy nước mini (Công ty cổ phần Tân Sơn; HTX Thủy sản - dịch vụ môi trường Tiên Lãng; HTX dịch vụ nước sạch Gia Hưng; Hộ kinh doanh nước sạch Hùng Thắng; Hộ kinh doanh cá thể Bùi Mạnh Chung; Công ty TNHH nước sạch Tây Hưng; Nhà máy nước Đỗ Hữu Đoàn Bạch Đằng; Công ty TNHH may mặc Giang Nam).

(3) Công ty thủy lợi Đa Độ còn 04/26 nhà máy nước mini ((Công ty TNHH SUNMAX Việt Nam, Nhà máy nước Trần Phú, Nhà máy nước Quang Hưng, Nhà máy nước Đồng Dồi).

⁵ Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước: "1. Đầu tư, lắp đặt, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và duy trì hoạt động của thiết bị đo đạc, quan trắc tại công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư này".

⁶ Xi nghiệp NTTS Kiến Thụy: 4.684.800.000 đồng; Công ty Cổ phần Thành Tô: 64.531.000 đồng

⁷ Công ty Cổ phần Tân Sơn: 387.067.100 đồng; HTX Thủy sản - dịch vụ môi trường Tiên Lãng: 288.637.000 đồng; HTX dịch vụ nước sạch Gia Hưng: 499.111.500 đồng; Công ty TNHH nước sạch Tây Hưng: 55.092.000 đồng

⁸ Nhà máy nước Lai Thượng: 61.591.800 đồng; Nhà máy nước Đại Hoàng I: 11.340.000 đồng; Nhà máy nước Đoàn Xá: 471.365 đồng; Nhà máy nước Đồng Phương: 100.000.000 đồng; Nhà máy nước Đại Hà: 32.669.595 đồng.

nhân dân các quận, huyện phối hợp cùng Công ty thủy lợi có biện pháp xử lý dứt điểm để thu hồi nợ như: dùng cung cấp nước thô đối với các đơn vị trên để xử lý dứt điểm nợ đọng. Tuy nhiên, việc dùng cung cấp nước thô cho các Nhà máy nước mini sẽ làm gián đoạn việc cung cấp nước sạch, trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân.

- Công ty cổ phần phát triển nước sạch Hưng Đạo đã khai thác và sử dụng nước thô để sản xuất, kinh doanh nước sạch nhưng không ký hợp đồng, không trả tiền nước thô từ năm 2019 đến năm 2024.

Theo Báo cáo giải trình của Công ty thủy lợi Tiên Lãng:

Công ty đã có nhiều văn bản đề nghị Công ty cổ phần phát triển nước sạch Hưng Đạo ký hợp đồng, trả tiền nước thô nhưng Công ty cổ phần phát triển nước sạch Hưng Đạo không hợp tác; Công ty thủy lợi Tiên Lãng đã có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phối hợp cùng Công ty có biện pháp xử lý đối với Công ty nước cổ phần nước sạch Hưng Đạo, như: dùng cung cấp nước thô. Tuy nhiên, việc dùng cung cấp nước thô sẽ làm gián đoạn việc cung cấp nước sạch, trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân.

Ngày 19/7/2021, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 4785/UBND-TL ngày 19/7/2021 chỉ đạo trước mắt Công ty thủy lợi Tiên Lãng vẫn phải tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước thô cho các Nhà máy nước mini trên địa bàn; thực hiện các giải pháp giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống thủy lợi, tiếp tục đôn đốc các Nhà máy nước mini thực hiện việc thanh toán tiền sử dụng dịch vụ; chủ động làm việc với các địa phương thống nhất cụ thể lộ trình dùng cung cấp nước thô đối với các Nhà máy nước mini không thực hiện chi trả tiền sử dụng dịch vụ, đồng thời đảm bảo đủ thời gian cho các địa phương chuẩn bị cơ sở pháp lý và điều kiện kỹ thuật để thay thế các Nhà máy nước mini cung cấp nước trên địa bàn.

(3) Đối với công tác hạch toán

- Tại Công ty thủy lợi Tiên Lãng: Năm 2023, Công ty thủy lợi Tiên Lãng hạch toán và để số dư nợ trên tài khoản xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) số tiền là 1.013.183.000 đồng của 03 công trình⁹ bảo trì, sửa chữa thường xuyên là không phù hợp nguyên tắc kế toán quy định tại điểm đ¹⁰ khoản 1 Điều 46 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

⁹ Trạm bơm Khởi Nghĩa - hạng mục: Sửa chữa nhà quản lý và xây công trình phụ trợ, giá trị quyết toán: 332.386.000 đồng nhà thầu thi công xuất hóa đơn cho chủ đầu tư ngày 27/3/2023; (2) Trạm bơm Văn Vân; hạng mục: Sửa chữa kênh tưới cách bề xà 425M (đoạn thôn Thúi Nèo xã Bắc Hưng), giá trị quyết toán: 381.180.000 đồng, nhà thầu thi công xuất hóa đơn cho chủ đầu tư ngày 27/3/2023; (3) Cổng Nam Từ - hạng mục: Sửa chữa kè bờ phải phía thượng lưu cống, giá trị quyết toán: 299.617.000 đồng, nhà thầu thi công xuất hóa đơn cho chủ đầu tư ngày 13/5/2023.

¹⁰ điểm đ khoản 1 Điều 46 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định: “đ) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, duy trì cho TSCĐ hoạt động bình thường được hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa, bảo trì, duy tu định kỳ, kế toán được trích lập dự phòng phải trả và tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh để có nguồn trang trải khi việc sửa chữa, bảo trì phát sinh”

Đoàn thanh tra xác định hạch toán tăng chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định (TK 627) năm 2023 số tiền là 1.013.183.000 đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2023 giảm là 1.013.183.000 đồng.

- Tại Công ty thủy lợi An Hải:

Tăng doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản năm 2023 số tiền 15.825.723.896 đồng, do: Công ty thủy lợi An Hải đã lập, xuất hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra nhưng chưa hạch toán ghi nhận doanh thu trong năm tài chính 2023 mà ghi nhận doanh thu trong năm tài chính 2024 (*năm 2023, Công ty đang hạch toán theo dõi trên tài khoản 337*) là không đúng quy định tại Điều 3¹¹ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Đồng thời, tăng 15.508.233.144 đồng chi phí giá vốn của các gói thầu thi công xây dựng cơ bản¹² tương ứng với tăng doanh thu nêu trên.

+ Năm 2023, Công ty hạch toán chi phí công cụ, dụng cụ dùng cho nhiều kỳ kế toán với số tiền là 49.641.888 đồng (*theo quy định phải hạch toán vào TK 242 và trong kỳ kế toán phân bổ chi phí tương ứng*). Đoàn thanh tra tính toán sử dụng cho 02 năm, theo đó chi phí trong kỳ 2023 là 23.917.953 đồng, chi phí trong kỳ 2023 giảm 25.723.935 đồng và chuyển năm sau phân bổ tiếp 25.723.935 đồng.

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

04 Công ty thủy lợi thực hiện kê khai, nộp các sắc thuế theo thời gian quy định. Tuy nhiên, qua thanh tra Đoàn thanh tra xuất toán khỏi chi phí hợp lý, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 163.536.865 đồng của Công ty thủy lợi Tiên Lãng và Công ty thủy lợi An Hải, cụ thể:

(1) Tại Công ty thủy lợi Tiên Lãng

Thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 giảm 183.158.412 đồng, năm 2023 giảm 1.244.004.226 đồng; Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 tăng 183.158.412 đồng, năm 2023 tăng 217.861.226 đồng, do: Khi tính thu nhập chịu thuế Công ty không tách riêng thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh tổng hợp (*hoạt động tài chính, thu nhập khác*) theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

¹¹ Điều 3 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định: “2. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

a) Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC”.

¹² Công ty thủy lợi An Hải tự xác định chi phí giá vốn, tự chịu trách nhiệm với số liệu cung cấp.

Dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp tăng 80.203.928 đồng, trong đó: năm 2022 là 36.631.682 đồng, năm 2023 là 43.572.246 đồng.

(2) Tại Công ty thủy lợi An Hải

- Năm 2022, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tăng là 44.700.000 đồng do: Giảm chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thủy lợi là 44.700.000 đồng.

Dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp tăng 8.940.000 đồng.

- Năm 2023, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 371.964.687 đồng, do:

+ Tăng 15.825.723.896 đồng doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các gói thầu thi công xây dựng cơ bản Công ty thủy lợi An Hải đã kê khai tính thuế giá trị gia tăng nhưng chưa hạch toán doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

+ Tổng chi phí tăng 15.453.759.209 đồng, do: Tăng 15.508.233.144 đồng chi phí giá vốn của các gói thầu thi công xây dựng cơ bản tương ứng với doanh thu 15.825.723.896 đồng; Giảm chi phí công cụ, dụng cụ trong kỳ 25.723.935 đồng; Giảm chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thủy lợi là 28.750.000 đồng.

Dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp tăng 74.392.937 đồng.

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm 2022, 2023 của Công ty thủy lợi An Hải tăng là 83.332.937 đồng.

Đoàn thanh tra kiến nghị Công ty thủy lợi Tiên Lãng và Công ty thủy lợi An Hải nộp số tiền 163.536.865 đồng theo quyết định thu hồi tiền của Chánh thanh tra thành phố.

3. Về việc bảo toàn vốn nhà nước

Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp: "... Định kỳ hàng năm doanh nghiệp phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp, phương pháp đánh giá như sau: a) Sau khi trích các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không phát sinh lỗ hoặc có lãi, doanh nghiệp bảo toàn vốn ...". Năm 2022 và 2023, kết quả kinh doanh của 04 Công ty thủy lợi có lãi, như vậy các Công ty thủy lợi bảo toàn vốn theo quy định.

II. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

1. Việc cải tạo, nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình theo kế hoạch của 04 Công ty thủy lợi

Trong 02 năm 2022, 2023: 04 Công ty thủy lợi đã tiến hành đầu tư xây dựng 925 công trình. Chủ yếu là cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm, kênh xây dẫn nước, nạo vét kênh dẫn nước và xây cống sau trạm bơm có tổng mức

đầu tư là 284.628,169 triệu đồng/925 công trình; tổng giá trị quyết toán được duyệt là 276.025,226 triệu đồng (trong đó: Có 826 công trình quy mô nhỏ, dự toán chi phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng; có 82 công trình, dự toán chi phí sửa chữa phần xây lắp trên 500 triệu đồng và dưới 01 tỷ đồng; Có 17 công trình, dự toán chi phí sửa chữa phần xây lắp trên 01 tỷ đồng).

(Chi tiết tại biểu số 02)

2. Việc thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi phân vùng tưới tiêu Nam Sông Mới do Công ty thủy lợi Tiên Lãng làm chủ đầu tư (Dự án Nam Sông Mới)

Ngày 24/4/2009, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 2003/UBND-NN về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án.

Ngày 30/5/2017, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 3020/UBND-TL về việc đồng ý chủ trương giao Công ty thủy lợi Tiên Lãng làm chủ đầu tư và triển khai các thủ tục đầu tư Dự án Nam Sông Mới; ngày 20/11/2018, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 5400/VP-TL về việc phê duyệt Dự án Nam Sông Mới, theo đó giao Chủ tịch Công ty thủy lợi Tiên Lãng tổ chức thực hiện theo thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện.

Ngày 06/6/2019, Chủ tịch Công ty thủy lợi Tiên Lãng có Quyết định số 119/QĐ-TLTL về việc phê duyệt Dự án Nam Sông Mới với các nội dung cụ thể như sau:

- Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.
- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp IV, Dự án thuộc nhóm C.
- Tổng mức đầu tư của dự án: 65.430,843 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi của thành phố Hải Phòng (theo Quyết định số 1244/QĐ-BTC ngày 04/7/2017 của Bộ Tài chính).
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2020.

Ngày 17/01/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 107/SNN-QLCT về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nam Sông Mới.

Ngày 20/01/2020, Chủ tịch Công ty thủy lợi Tiên Lãng có Quyết định số 09/QĐ-TLTL về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán Dự án Nam Sông Mới, có nội dung:

- Tổng mức đầu tư của dự án: 62.319,518 triệu đồng.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2021. ✓



Ngày 31/12/2021, Chủ tịch Công ty thủy lợi Tiên Lãng có Quyết định số 369/QĐ-TLTL về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án Nam Sông mới, có nội dung: Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ năm 2018 - 2024.

3. Việc thực hiện Dự án bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh do Công ty thủy lợi An Hải làm chủ đầu tư (Dự án Quán Vĩnh)

Ngày 07/7/2004, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 1920/QĐ-UB về việc phê duyệt Dự án bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh, với nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Dự án bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh.
- Địa điểm xây dựng: Đoạn từ sông Rế đến đập Cái Tắt.
- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh để giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo cung cấp nước thô đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng cho Nhà máy nước An Dương.
- Tổng mức đầu tư: 36.133,2 triệu đồng.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Công trình Cấp nước và Vệ sinh thành phố.

Ngày 26/7/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thẩm định điều chỉnh Dự án Quán Vĩnh; Ngày 03/8/2021, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 2145/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh, có nội dung:

- Tên dự án: Dự án bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải.
- Địa điểm xây dựng: huyện An Dương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Mục tiêu chính của dự án: Xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ nguồn nước thô Quán Vĩnh để giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo cung cấp nước thô đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng cho Nhà máy nước An Dương.
- Tổng mức đầu tư giai đoạn 2: 33.767,3 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn thu nước thô của Công ty thủy lợi An Hải và nguồn vốn bổ sung điều lệ.
- Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2021.

4. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến các công trình duy tu, sửa chữa theo kế hoạch do 04 Công ty thủy lợi làm chủ đầu tư

Xem xét hồ sơ dự toán (*Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), biên bản nghiệm thu, hồ sơ quản lý chất lượng, quyết toán liên quan đến việc cải tạo, sửa chữa các công trình cho thấy:

4.1. Việc lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và thẩm quyền phê duyệt các văn bản, tài liệu liên quan

Các công trình cải tạo, sửa chữa do 04 Công ty thủy lợi làm chủ đầu tư trong niên độ 2022-2023 đều có quy mô nhỏ. Do đó, chỉ cần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

Công trình có dự toán chi phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng: Chủ đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14; khoản 5 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

Công trình có dự toán chi phí sửa chữa trên 500 triệu đồng và trên 01 tỷ đồng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014.

Riêng 03 hạng mục có dự toán chi phí sửa chữa trên 01 tỷ đồng thuộc nguồn ngân sách cấp cho dự án khoa học do Công ty thủy lợi Đa Độ làm Chủ đầu tư được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ kỹ thuật, Sở Khoa học Công nghệ phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

4.2. Việc chấp hành quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm, 04 Công ty thủy lợi lập danh mục công trình bảo trì, sửa chữa các công trình thủy lợi báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2022, 2023.

- *Quy mô đầu tư xây dựng*: Các công trình có quy mô phù hợp quy định của Luật Xây dựng, đảm bảo không chia tách công việc cải tạo, sửa chữa, không có việc chia nhỏ công trình, không vi phạm quy định tại điểm k khoản 6 Điều 89 Luật đấu thầu năm 2013; chấp hành các quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- *Hình thức quản lý dự án*: Các công trình có quy mô nhỏ, Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc trực tiếp quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

4.3. Việc chấp hành quy định pháp luật về lựa chọn nhà thầu

- *Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư*¹³: Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Đấu thầu năm 2013.

- *Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn đầu tư* ✓

¹³ Riêng hạng mục: Xây dựng hệ thống điều khiển trạm làm việc cống dưới đê (cống Mỹ Khê -Bắc Hà, cống Úc Gián-Ông Thông; cống Trung Trang, Cỏ Tiêu 2, Cỏ Tiêu 3) thuộc nguồn ngân sách cấp cho khoa học do Công ty thủy lợi Đa Độ làm chủ đầu tư; Sở Khoa học Công nghệ phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Công trình có dự toán chi phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng (826 công trình): Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Chủ đầu tư phê duyệt. Nội dung, hình thức, quy trình lựa chọn nhà thầu phù hợp theo quy định tại Điều 35, 37 Luật Đấu thầu năm 2013 và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Công trình có dự toán chi phí sửa chữa trên 500 triệu đồng và trên 01 tỷ đồng (99 công trình): Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Nội dung, hình thức, quy trình lựa chọn nhà thầu phù hợp theo quy định tại Điều 35, 37 Luật Đấu thầu năm 2013 và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các công trình:

+ Các gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, gói thầu tư vấn giám sát và 826 gói thầu thi công xây lắp của các công trình có giá trị nhỏ (dưới 500 triệu đồng) được Chủ đầu tư phê duyệt chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu 2013, khoản 1 Điều 54 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

+ Các gói thầu xây lắp có giá trị trên 500 triệu đồng và nhỏ hơn 01 tỷ đồng (82 gói thầu), được Chủ đầu tư chỉ định thầu rút gọn theo Kế hoạch lựa chọn thầu được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và theo khoản 1 Điều 3 Thông tư 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh.

+ Các thầu xây lắp có giá trị trên 01 tỷ đồng (17 gói), được Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu rộng rãi qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo Kế hoạch lựa chọn thầu được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

+ Đối với các công trình do Công ty thủy lợi Đa Độ làm Chủ đầu tư:

01 gói thầu tư vấn có giá trị trên 500 triệu đồng, được Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu rộng rãi qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo Kế hoạch lựa chọn thầu được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học Công nghệ phê duyệt và theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

+ Các hạng mục sửa chữa cống, máy bơm, trạm bơm; đắp bờ, vớt bèo (85 hạng mục) có tổng giá trị xây lắp quyết toán là 27.262,191/94.931,788 triệu đồng; Công ty thủy lợi Đa Độ giao cho Chi nhánh Công ty thủy lợi Đa Độ - Xí nghiệp xây lắp là đơn vị trực thuộc thông qua hợp đồng giao khoán nội bộ với hình thức tự thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

4.4. Việc chấp hành quy định pháp luật trong việc ký hợp đồng

Chủ đầu tư, các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công gói thầu xây lắp thương thảo trước khi ký hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu năm 2013, Điều 11, 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

Các công trình cải tạo, sửa chữa (925 công trình) do 04 Công ty thủy lợi làm chủ đầu tư trong niên độ 2022-2023 đều có quy mô nhỏ, hình thức hợp đồng thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói. Nội dung của các hợp đồng kinh tế thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

4.5. Việc chấp hành quy định pháp luật trong việc quyết toán, thanh lý hợp đồng

Công trình có dự toán chi phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng: Chủ đầu tư và nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán hoàn thành theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.

Công trình có dự toán chi phí sửa chữa trên 500 triệu đồng và trên 01 tỷ đồng: Chủ đầu tư trình Sở Tài chính thẩm tra quyết toán theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính; Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán hoàn thành theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.

4.6. Kiểm tra chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình

Kiểm tra hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công công trình, các biên bản nghiệm thu và hồ sơ quản lý chất lượng của 506/925 công trình do 39 nhà thầu thi công trong niên độ 2022-2023, cho thấy còn các khuyết điểm:

(1) Tại thời điểm thi công, đơn vị thi công đã lập sổ Nhật ký thi công xây dựng công trình. Tuy nhiên, một số nội dung trong nhật ký thi công phản ánh chưa đầy đủ thực tế thi công, chưa nêu cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường, chưa ghi rõ ý kiến đánh giá của tư vấn giám sát thi công theo quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

(2) Bản vẽ hoàn công thể hiện chưa cụ thể mặt bằng tập kết vật liệu, thiết bị thi công; mặt bằng lán trại để ở và điều hành thi công.

(3) Đề xuất giải pháp giám sát, quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, quy trình kiểm tra, nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu của các nhà thầu giám sát công trình chưa đầy đủ, chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Xây dựng năm 2014. ✓

(4) Rà soát hồ sơ quyết toán cho thấy: Một số công việc liên quan đến vận chuyển phế thải; dọn dẹp mặt bằng; tháo, lắp dựng phao thép, vận chuyển vật tư, nhân công vận hành máy trùng lắp với chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế.

Đoàn Thanh tra kiến nghị xử lý giá trị quyết toán phần xây lắp của 506/925 công trình 39 các nhà thầu thi công với tổng số tiền là 765.859.500 đồng, trong đó: Loại trừ giá trị phần xây lắp số tiền là 760.882.500 đồng, giảm trừ giá trị quyết toán phần xây lắp số tiền là 4.977.000 đồng.

(Chi tiết tại các Biểu số 3A, 3B, 3C, 3D)

Chánh Thanh tra thành phố đã ban hành các Quyết định truy thu số tiền 760.882.500 đồng về Ngân sách nhà nước theo quy định.

4.7. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước của các nhà thầu thi công

Đoàn thanh tra xem xét việc lập, xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra các công trình của đơn vị thi công công trình được thanh tra cho thấy: các đơn vị đã cơ bản lập, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Chủ đầu tư theo số tiền được thanh toán.

Tuy nhiên, qua kiểm tra còn khuyết điểm trong việc lập, xuất, kê khai thuế giá trị gia tăng, thời điểm ghi nhận doanh thu, Đoàn thanh tra kiến nghị xử lý về thuế với số tiền là 291.378.898 đồng, cụ thể:

(1) Truy thu số tiền 159.819.648 đồng, trong đó thuế giá trị gia tăng của 02 nhà thầu thi công là 64.003.954 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp của 07 nhà thầu thi công là 95.815.694 đồng.

(2) Giảm trừ thuế giá trị gia tăng của 05 nhà thầu thi công với số tiền 131.559.250 đồng.

(Chi tiết tại các Biểu số 3B, 3C, 3D)

Chánh Thanh tra thành phố đã ban hành các Quyết định truy thu số tiền 159.819.648 đồng về Ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện Dự án Nam Sông Mới

5.1. Đánh giá chung về việc thực hiện Dự án Nam Sông Mới

Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện Dự án; biên bản nghiệm thu, hồ sơ quản lý chất lượng, quyết toán A-B cho thấy:

(1) Chủ đầu tư tổ chức lập nhiệm vụ, phương án khảo sát và dự toán kinh phí công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Lập đề cương và dự toán lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Dự án.

(2) Dự án Nam Sông Mới được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (thiết kế cơ sở), thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và tổng mức đầu tư của Dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động Môi trường của Dự án Nam sông Mới do Công ty thủy lợi Tiên Lãng làm chủ đầu tư.

(3) Chủ đầu tư có Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện Dự án Nam Sông Mới; tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu:

- Gói thầu thi công xây dựng: 13 gói thầu có giá trị lớn hơn 1,0 tỷ đồng, Chủ đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi một giai đoạn, một túi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Các gói thầu tư vấn: 15 gói thầu có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng, Chủ đầu tư áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; 03 gói thầu có giá trị lớn hơn 500 triệu đồng, Chủ đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi một giai đoạn hai túi hồ sơ (theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

(4) Chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công gói thầu xây lắp thương thảo trước khi ký hợp đồng theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu năm 2013, Điều 11, 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; hình thức hợp đồng thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói. Nội dung của các hợp đồng kinh tế thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Tổng giá trị hợp đồng các gói thầu thuộc Dự án là 61.296.287.082 đồng.

(5) Các công trình xây dựng thuộc Dự án Nam Sông Mới đã được Chủ đầu tư, các nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào sử dụng:

- Giá trị Quyết toán A-B của Dự án là 54.015.960.737 đồng.
- Giá trị phát sinh giảm so với Hợp đồng (gồm cả chi phí dự phòng) là 7.702.819.270 đồng (đạt 12,36% so với giá trị hợp đồng).
- Chủ đầu tư đã thanh toán cho các nhà thầu tổng số tiền là 52.800.726.000 đồng (đạt 97,75% so với giá trị Quyết toán A-B của Dự án).

(6) Dự án được Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, Sở Tài chính đang thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính.

(7) Dự án Nam Sông Mới hoàn thành, đưa vào sử dụng đã giải quyết được việc cấp nước và tiêu nước cho từng khu vực trên hệ thống, đáp ứng được sự phát triển và nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Tăng cường khả năng phòng chống lụt bão, chống hạn hán, xâm nhập mặn, giảm ô nhiễm môi trường.

5.2. Khuyết điểm, hạn chế trong việc thực hiện Dự án Nam Sông Mới

Qua kiểm tra hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng của Dự án Nam Sông Mới do Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan cung cấp cho thấy còn các khuyết điểm: ✓

*** Giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án**

(1) Hình ảnh các lỗ khoan, thí nghiệm mẫu nước không được lưu trữ trong hồ sơ nghiệm thu theo phương án kỹ thuật khảo sát địa chất được phê duyệt của gói thầu tư vấn khảo sát địa chất do Công ty Cổ phần E.C.C thực hiện phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(2) Hồ sơ quản lý chất lượng liên quan đến gói thầu tư vấn khảo sát địa hình do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng thực hiện thiếu các tài liệu: Giấy kiểm định máy: TC-405, NIKON DTM 352, thủy bình AC-2S; sơ đồ lưới mặt bằng đường chuyên cấp 2; Nhật ký khảo sát.

(3) Hồ sơ nghiệm thu của gói thầu Tư vấn lập đề cương nhiệm vụ và kinh phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Hải Thành thực hiện thiếu Biên bản nghiệm thu kết quả tư vấn.

*** Giai đoạn thực hiện Dự án**

(1) Hồ sơ quản lý chất lượng liên quan đến gói thầu tư vấn khảo sát địa hình xây dựng công trình (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công) do Công ty cổ phần Bình Phương thực hiện thiếu Biên bản nghiệm thu kết quả tư vấn; thiếu các tài liệu: Giấy kiểm định máy móc thiết bị; Đề cương khảo sát; phương án khảo sát; nhật ký khảo sát theo quy định tại Điều 13, 14 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

(2) Hồ sơ quản lý chất lượng liên quan đến gói thầu Tư vấn giám sát khảo sát xây dựng giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công do Công ty TNHH thiết kế xây dựng Điền Phát thực hiện thiếu Đề cương giám sát, Nhật ký của nhà thầu giám sát.

(3) Chủ đầu tư không mua bảo hiểm công trình theo quy định tại Điều 9 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020); Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP: “Đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng”.

(4) Hợp đồng kinh tế đối với 13 gói thầu thi công xây lắp được ký giữa Công ty Thủy lợi Tiên Lãng với 06 nhà thầu xây lắp có một số nội dung về nghiệm thu, hoàn thành, thưởng, phạt vi phạm hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, quyết toán hợp đồng chưa cụ thể các điều khoản theo quy định tại điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng tại Hồ sơ mời thầu quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ; Thông tư 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình.

(5) Thời gian thi công các công trình thuộc 13 gói thầu, tính từ ngày ban giao mặt bằng thi công đến ngày các bên có liên quan ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng đều chậm tiến độ so với hợp đồng đã ký.

(6) Việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 11 gói thầu xây lắp (không bao gồm gói thầu xây lắp số 11, 20 do Công ty Cổ phần HEPCO thực hiện) tính từ ngày chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực đến ngày ký nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình đều không được gia hạn bảo lãnh thực hiện

hợp đồng theo quy định tại Điều 66 Luật Đấu thầu năm 2013, Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

(7) Một số Công ty: TNHH phát triển Vĩnh Phát, Cổ phần HEPCO, Cổ phần Thế Hân cung cấp chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng sau ngày ký hợp đồng thi công xây dựng là không đúng quy định tại Điều 66 Luật Đấu thầu năm 2013, Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

(8) Nhà thầu thi công 13 gói thầu của Dự án không mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của nhà thầu theo quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng, điều kiện của Hồ sơ mời thầu; điểm c khoản 4 Điều 3 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ: “*Đối với bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường: Phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh*” và Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP: “*Đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng*”; Điều 8 Thông tư 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

(9) Tại thời điểm thi công, 06 nhà thầu đã lập sổ Nhật ký thi công xây dựng công trình. Tuy nhiên, một số nội dung trong nhật ký thi công chưa cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường theo quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

(10) Bản vẽ hoàn công thể hiện chưa cụ thể vị trí mặt bằng tập kết vật liệu, thiết bị thi công; mặt bằng lán trại để ở và điều hành thi công theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình.

(11) Rà soát hồ sơ quyết toán cho thấy:

- Công việc Hạng mục chung của 13 gói thầu xây lắp (*chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công; chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường*) chưa được điều chỉnh giảm tương ứng với giá trị quyết toán giảm của các gói thầu.

- Giá trị khối lượng công việc phát sinh tăng so với hợp đồng: Không phù hợp với quy định của hợp đồng (hợp đồng trọn gói); thiếu Quyết định phê duyệt công việc phát sinh ngoài hợp đồng; thiếu Phụ lục hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

Đoàn Thanh tra kiến nghị xử lý loại trừ giá trị quyết toán của 13 gói thầu xây lắp do 06 nhà thầu thực hiện với số tiền là 616.302.364 đồng, trong đó: Loại trừ giá trị quyết toán là 578.334.000 đồng, thuế Giá trị gia tăng là 37.968.364 đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 3B)

Chánh Thanh tra thành phố đã ban hành các Quyết định truy thu số tiền 616.302.364 đồng về Ngân sách nhà nước theo quy định.

*** Giai đoạn kết thúc Dự án**

(1) Chủ đầu tư chưa thực hiện Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư thực hiện Dự án theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 65, khoản 6 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ quy định về giám sát và



đánh giá đầu tư; khoản 3 Điều 62, Điều 68 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

(2) Việc lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành chậm 22 tháng so với thời gian quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án, sử dụng vốn đầu tư công.

6. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện Dự án Quán Vĩnh

6.1. Đánh giá chung về việc thực hiện Dự án Quán Vĩnh

Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện các gói thầu xây lắp thuộc giai đoạn 2 của Dự án; biên bản nghiệm thu, hồ sơ quản lý chất lượng, quyết toán A-B cho thấy:

(1) Các công trình xây dựng thuộc giai đoạn 2 của Dự án Quán Vĩnh đã được Chủ đầu tư, các nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào sử dụng:

- Tổng giá trị hợp đồng các gói thầu xây lắp thuộc giai đoạn 2 của Dự án là 29.561,783 triệu đồng.

- Giá trị Quyết toán là 28.598,668 triệu đồng.

- Giá trị quyết toán giảm so với Hợp đồng (gồm cả chi phí dự phòng) là 963,115 triệu đồng (đạt 3,26% so với giá trị hợp đồng).

- Chủ đầu tư đã thanh toán cho các nhà thầu thi công theo giá trị quyết toán được duyệt.

(2) Dự án được Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Sở Tài chính thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành và có Quyết định số 20/QĐ-STC ngày 31/8/2022 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính Phủ, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính, Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

(3) Dự án Quán Vĩnh hoàn thành, đưa vào sử dụng đã giải quyết được việc giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo cung cấp nước thô đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng cho Nhà máy nước An Dương.

6.2. Khuyết điểm, hạn chế trong việc thực hiện Dự án Quán Vĩnh

(1) Chủ đầu tư không mua bảo hiểm công trình theo quy định tại Điều 9 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020); Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP quy định: “Đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng”.

(2) Nhà thầu không mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của nhà thầu theo quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng, điều kiện của Hồ sơ mời thầu; Điểm c khoản 4 Điều 3 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ: “Đối với bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường: Phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh” và Điều 4

Nghị định số 119/2015/NĐ-CP: “Đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng”; Điều 8 Thông tư 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

(3) Nhà thầu đã lập sổ Nhật ký thi công xây dựng công trình. Tuy nhiên, một số nội dung trong nhật ký thi công chưa phản ánh đầy đủ thực tế thi công, chưa nêu cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường, chưa ghi rõ ý kiến đánh giá của tư vấn giám sát thi công theo quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

(4) Bản vẽ hoàn công thể hiện chưa cụ thể vị trí mặt bằng tập kết vật liệu, thiết bị thi công; mặt bằng lán trại để ở và điều hành thi công; Các khối lượng ngầm thiếu bản vẽ hoàn công tương ứng với các lần nghiệm thu thanh toán khối lượng công việc được nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

(5) Rà soát hồ sơ quyết toán của 03 gói thầu xây lắp do 03 nhà thầu thi công cho thấy: Một số công việc liên quan đến chi phí vận chuyển, lắp dựng cầu kiện trùng lắp với chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế.

Đoàn Thanh tra kiến nghị xử lý loại trừ giá trị quyết toán của 03 gói thầu xây lắp do 03 nhà thầu thực hiện với số tiền là 87.834.000 đồng và thu hồi thuế Giá trị gia tăng vãng lai với số tiền 54.283.636 đồng của gói thầu xây lắp do Công ty cổ phần xây dựng 377 thực hiện.

(Chi tiết tại Biểu số 3D)

Chánh Thanh tra thành phố đã ban hành các Quyết định truy thu số tiền 142.117.636 đồng về Ngân sách nhà nước theo quy định.

(6) Chủ đầu tư chưa thực hiện Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư thực hiện Dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 68 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

(7) Việc lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Chậm 28 tháng so với thời gian quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

1. Ưu điểm

1.1. Công tác quản lý thu, chi tài chính

Các Công ty thủy lợi đã thực hiện công tác quản lý, tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ thành phố giao, bảo toàn vốn của Chủ sở hữu; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước cơ bản theo quy định pháp luật về thuế; chấp hành các quy định của Luật Kế toán.

Công tác quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi đã phát huy hiệu quả về điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn, bảo lụt,

chống úng, cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống dân sinh trên địa bàn quản lý. Các Công ty đã tích cực mở rộng các loại hình dịch vụ, tìm kiếm việc làm, tăng doanh thu để cân đối, bổ sung thêm nguồn kinh phí cho hoạt động thủy lợi công ích.

1.2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

(1) Trong niên độ 2022-2023, các Công ty thủy lợi đã tập trung nguồn lực, kinh phí thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm; các công trình thủy lợi trên hệ thống do các Công ty quản lý được đầu tư, xây dựng duy tu, sửa chữa, vận hành tưới tiêu, phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, cung cấp nguồn nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh, kinh tế trên địa bàn quản lý.

(2) Quá trình triển khai thực hiện, có sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan, khắc phục khó khăn trong điều kiện nguồn vốn còn hạn chế. Các Công ty thủy lợi đã chủ động xây dựng kế hoạch, phân bổ các nguồn vốn kịp thời; thực hiện cơ bản về trình tự, thủ tục, tổ chức, triển khai, thực hiện đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu.

2. Khuyết điểm, hạn chế

2.1. Tại Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo

2.1.1. Công tác quản lý thu, chi tài chính

(1) Tính đến hết năm 2023, còn 06/09 nhà máy nước mini¹⁴ sử dụng nước thô do Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo cung cấp vẫn chưa lắp đặt thiết bị xác định lưu lượng nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở cho việc ký kết hợp đồng và nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

(2) Tính đến thời điểm thanh tra, Công ty Cổ phần Tân Sơn còn nợ tiền nước thô 6 tháng cuối năm 2023 là 25.414.000 đồng.

Trách nhiệm thuộc các tổ chức sử dụng dịch vụ nước thô và Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo.

2.1.2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

(1) Đề xuất giải pháp giám sát, quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, quy trình kiểm tra, nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu của các nhà thầu giám sát công trình chưa đầy đủ, chi tiết; hồ sơ giám sát thiếu các báo cáo định kỳ, báo cáo khi nghiệm thu hoàn thành theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Trách nhiệm thuộc về các nhà thầu tư vấn giám sát và trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo.

¹⁴ Công ty TNHH kinh doanh nước sạch Vĩnh Lợi; Công ty TNHH xây dựng thương mại Trung Thu, Công ty cổ phần Tân Sơn; Công ty dịch vụ thương mại Hùng Kim; Công ty TNHH Quang Sáng; Công ty TNHH thương mại, vận tải và xây dựng Thịnh Lộc.

(2) Một số nội dung trong nhật ký thi công phản ánh chưa đầy đủ thực tế thi công, chưa nêu cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường, ý kiến đánh giá của tư vấn giám sát thi công theo quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Trách nhiệm thuộc về nhà thầu thi công và trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo.

(3) Công tác quyết toán đối với 92/330 công trình do 20 nhà thầu thi công còn sai sót về việc trùng lắp chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế. Trách nhiệm thuộc về các nhà thầu thi công và trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo.

Đoàn thanh tra kiến nghị xử lý, loại trừ giá trị quyết toán của 92/330 công trình do 20 nhà thầu thi công với số tiền là 149.638.500 đồng.

2.2. Tại Công ty thủy lợi Tiên Lãng

2.2.1. Công tác quản lý thu, chi tài chính

(1) Việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu doanh thu chưa hoàn thành kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động dịch vụ cung cấp nước thô năm 2022 đạt 67,91% kế hoạch; năm 2023 đạt 94,7% kế hoạch.

- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác năm 2022 đạt 52,25% kế hoạch.

- Doanh thu hoạt động tiêu nước Khu công nghiệp trên địa bàn quản lý theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt năm 2022.

Trách nhiệm thuộc Công ty thủy lợi Tiên Lãng và các đơn vị, cá nhân liên quan thời kỳ năm 2022-2023.

(2) Đối với hoạt động dịch vụ cung cấp nước thô

Một số nhà máy nước mini (08/09¹⁵) sử dụng nước thô do Công ty thủy lợi Tiên Lãng cung cấp chưa lắp đặt thiết bị xác định lưu lượng nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tính đến thời điểm thanh tra, 04 nhà máy nước mini còn nợ tiền nước thô là 1.229.907.600 đồng¹⁶ (nợ trước năm 2022 là 1.030.607.500 đồng; nợ trong giai đoạn 2022 - 2023 là 199.300.100 đồng).

Công ty cổ phần phát triển nước sạch Hưng Đạo đã khai thác và sử dụng nước thô để sản xuất, kinh doanh nước sạch, nhưng không thực hiện ký hợp

¹⁵ Công ty cổ phần Tân Sơn; HTX Thủy sản - dịch vụ môi trường Tiên Lãng; HTX dịch vụ nước sạch Gia Hưng; Hộ kinh doanh nước sạch Hùng Thắng; Hộ kinh doanh cá thể Bùi Mạnh Chung; Công ty TNHH nước sạch Tây Hưng; Nhà máy nước Đổ Hữu Đoàn Bạch Đằng; Công ty TNHH may mặc Giang Nam

¹⁶ Công ty Cổ phần Tân Sơn: 387.067.100 đồng; HTX Thủy sản - dịch vụ môi trường Tiên Lãng: 288.637.000 đồng; HTX dịch vụ nước sạch Gia Hưng: 499.111.500 đồng; Công ty TNHH nước sạch Tây Hưng: 55.092.000 đồng

đồng và thanh toán tiền nước thô từ năm 2019 đến năm 2024 với Công ty thủy lợi Tiên Lãng.

Trách nhiệm thuộc các tổ chức sử dụng dịch vụ nước thô và Công ty thủy lợi Tiên Lãng.

(3) Việc hạch toán kế toán

Năm 2023, Công ty thủy lợi Tiên Lãng hạch toán và để số dư nợ trên tài khoản xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) số tiền 1.013.183.000 đồng của 03 công trình¹⁷ bảo trì, sửa chữa thường xuyên là chưa phù hợp nguyên tắc kế toán quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đoàn thanh tra xác định hạch toán tăng chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định (TK 627) năm 2023 số tiền là 1.013.183.000 đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2023 giảm 1.013.183.000 đồng.

Trách nhiệm thuộc Công ty thủy lợi Tiên Lãng và các đơn vị, cá nhân liên quan thời kỳ năm 2022-2023.

(4) Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 giảm 183.158.412 đồng, năm 2023 giảm 1.244.004.226 đồng.

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 tăng 183.158.412 đồng, năm 2023 tăng 217.861.226 đồng, dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp tăng qua kiểm tra là 80.203.928 đồng, trong đó: năm 2022 là 36.631.682 đồng ($183.158.412 \text{ đồng} \times 20\%$), năm 2023 là 43.572.246 đồng ($217.861.226 \text{ đồng} \times 20\%$).

Đoàn thanh tra kiến nghị Công ty thủy lợi Tiên Lãng nộp số tiền 80.203.928 đồng theo quyết định thu hồi tiền của Chánh thanh tra thành phố.

Trách nhiệm thuộc Công ty thủy lợi Tiên Lãng và các đơn vị, cá nhân liên quan thời kỳ năm 2022-2023.

2.2.2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

(1) Đối với các công trình cải tạo sửa chữa nhỏ theo kế hoạch hàng năm, đề xuất giải pháp giám sát, quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, quy trình kiểm tra, nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu của các nhà thầu giám sát công trình chưa đầy đủ, chỉ tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Xây dựng năm 2014. Trách nhiệm thuộc về các nhà thầu tư vấn giám sát, các phòng chuyên môn và Ban Giám đốc Công ty thủy lợi Tiên Lãng.

(2) Các khuyết điểm trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (*khảo sát*); bảo lãnh thực hiện hợp đồng; bảo hiểm của nhà thầu thi công; tiến độ thi công chậm các gói thầu của Dự án Nam Sông Mới thuộc trách nhiệm của các nhà thầu tham gia Dự án, các phòng chuyên môn và Ban Giám đốc Công ty thủy lợi Tiên Lãng.

¹⁷ Trạm bơm Khởi Nghĩa - hạng mục: Sửa chữa nhà quản lý và xây công trình phụ trợ, giá trị quyết toán: 332.386.000 đồng nhà thầu thi công xuất hóa đơn cho chủ đầu tư ngày 27/3/2023; (2) Trạm bơm Văn Vãn; hạng mục: Sửa chữa kênh tưới cách bờ xã 425M (đoạn thôn Thụy Nèo xã Bắc Hưng), giá trị quyết toán: 381.180.000 đồng, nhà thầu thi công xuất hóa đơn cho chủ đầu tư ngày 27/3/2023; (3) Cống Nam Từ - hạng mục: Sửa chữa kè bờ phải phía thượng lưu cống, giá trị quyết toán: 299.617.000 đồng, nhà thầu thi công xuất hóa đơn cho chủ đầu tư ngày 13/5/2023.

(3) Việc tiến độ thực hiện Dự án chậm; thiếu Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư dự án; quyết toán 13 gói thầu xây lắp còn sai sót thuộc trách nhiệm của các phòng chuyên môn và Ban Giám đốc Công ty thủy lợi Tiên Lãng.

(4) Việc 06 nhà thầu bảo lãnh thực hiện hợp đồng không đúng quy định; chậm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc trách nhiệm của 06 nhà thầu thi công, các phòng chuyên môn và Ban Giám đốc Công ty thủy lợi Tiên Lãng.

(5) Một số nội dung trong nhật ký thi công phản ánh chưa đầy đủ thực tế thi công, chưa nêu cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường, ý kiến đánh giá của tư vấn giám sát thi công theo quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

(6) Việc quyết toán công trình:

- Công tác quyết toán đối với 54/81 công trình do 06 nhà thầu thi công còn sai sót về việc trùng lắp với chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế.

- Quyết toán đối với 13 gói thầu xây lắp thuộc Dự án Nam Sông Mới do 06 nhà thầu thi công còn sai sót khi chưa điều chỉnh giảm tương ứng công việc Hạng mục chung (*chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công; chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường*); Giá trị khối lượng công việc phát sinh tăng so với hợp đồng không phù hợp với quy định của hợp đồng (*hợp đồng trọn gói*); thiếu Quyết định phê duyệt công việc phát sinh ngoài hợp đồng; thiếu Phụ lục hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công; chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(7) Đoàn thanh tra kiến nghị xử lý quyết toán của 54 công trình sửa chữa theo kế hoạch và 13 gói thầu xây lắp thuộc Dự án Nam Sông Mới với số tiền là 754.693.104 đồng, trong đó: Loại trừ giá trị quyết toán số tiền là 698.692.744 đồng, giảm trừ giá trị quyết toán số tiền là 4.976.896 đồng, truy thu thuế Giá trị gia tăng là 37.968.364 đồng, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp là 13.055.100 đồng.

Trách nhiệm thuộc về nhà thầu thi công, Công ty thủy lợi Tiên Lãng và các đơn vị, cá nhân liên quan thời kỳ năm 2022-2023.

2.3. Tại Công ty thủy lợi Đa Độ

2.3.1. Công tác quản lý thu, chi tài chính

(1) Một số nhà máy nước mini (04/26) sử dụng nước thô do Công ty thủy lợi Đa Độ cung cấp chưa lắp đặt thiết bị xác định lưu lượng nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(2) Tính đến thời điểm thanh tra, nợ phải thu tiền dịch vụ công ích thủy lợi (đối tượng không được miễn) là 4.749.331.000 đồng (nợ trước năm 2022 là 4.001.331.000 đồng, nợ trong giai đoạn 2022-2023 là 748.000.000 đồng)¹⁸; nợ

¹⁸ Xí nghiệp NTTS Kiến Thủy: 4.684.800.000 đồng; Công ty Cổ phần Thành Tô: 64.531.000 đồng

phải thu tiền nước thô của 04 máy nước mini là 206.072.760 đồng (nợ trước năm 2022 là 72.931.800 đồng; nợ trong giai đoạn 2022 - 2023 là 133.140.960 đồng)¹⁹.

Trách nhiệm thuộc các tổ chức sử dụng dịch vụ thủy lợi, dịch vụ nước thô và Công ty thủy lợi Đa Độ.

2.3.2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

(1) Đề xuất giải pháp giám sát, quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, quy trình kiểm tra, nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu của các nhà thầu giám sát công trình chưa đầy đủ, chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Xây dựng năm 2014. Trách nhiệm thuộc các nhà thầu tư vấn giám sát, của các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi Đa Độ.

(2) Một số nội dung trong nhật ký thi công phản ánh chưa đầy đủ thực tế thi công, chưa nêu cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường, ý kiến đánh giá của tư vấn giám sát thi công theo quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Trách nhiệm thuộc về nhà thầu thi công, các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi Đa Độ.

(3) Công tác quyết toán đối với 209/279 công trình do 13 đơn vị thi công còn sai sót về việc trùng lặp với chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế. Trách nhiệm thuộc về nhà thầu thi công, các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi Đa Độ.

(4) Đoàn thanh tra kiến nghị xử lý quyết toán 209/279 công trình sửa chữa theo kế hoạch với tổng số tiền là 432.802.390 đồng, trong đó: Loại trừ giá trị quyết toán số tiền là 251.369.907 đồng, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền là 25.566.392 đồng, truy thu thuế Giá trị gia tăng vãng lai số tiền là 28.034.131 đồng, giảm trừ thuế giá trị gia tăng đầu ra số tiền là 127.831.960 đồng.

2.4. Tại Công ty thủy lợi An Hải

2.4.1. Công tác quản lý thu, chi tài chính

(1) Tính đến thời điểm thanh tra, Hợp tác xã sản xuất kinh doanh Dịch vụ nông nghiệp Tân Tiến còn nợ tiền nước thô là 367.330.950 đồng.

Trách nhiệm thuộc Hợp tác xã sản xuất kinh doanh Dịch vụ nông nghiệp Tân Tiến và Công ty thủy lợi An Hải.

(2) Về công tác hạch toán

- Tăng doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản năm 2023 số tiền 15.825.723.896 đồng, do: Công ty đã lập, xuất hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra nhưng chưa hạch toán ghi nhận doanh thu trong năm tài chính 2023 mà ghi nhận doanh thu trong năm tài chính 2024 (*năm 2023, Công ty đang hạch toán theo dõi trên tài khoản 337*) theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Đồng thời, tăng 15.508.233.144 đồng chi phí giá vốn của các gói thầu thi công xây dựng cơ bản²⁰ tương ứng với tăng doanh thu nêu trên.

¹⁹ Nhà máy nước Lai Thượng: 61.591.800 đồng; Nhà máy nước Đại Hoàng I: 11.340.000 đồng; Nhà máy nước Đoàn Xá: 471.365 đồng; Nhà máy nước Đông Phương: 100.000.000 đồng; Nhà máy nước Đại Hà: 32.669.595 đồng.

- Giảm chi phí trong kỳ 2023 số tiền là 25.723.935 đồng do phân bổ chi phí công cụ dụng cụ dùng cho nhiều kỳ kế toán.

Dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 qua thanh tra tăng là 343.214.687 đồng.

Trách nhiệm thuộc về Ban Giám đốc Công ty thủy lợi An Hải và các đơn vị, cá nhân liên quan thời kỳ năm 2022-2023.

(3) Về thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

- Năm 2022, tăng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 44.700.000 đồng do giảm chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thủy lợi, dẫn đến tăng thuế thu nhập doanh nghiệp là 8.940.000 đồng.

- Năm 2023, tăng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 371.964.687 đồng do: Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 qua thanh tra tăng 343.214.687 đồng; giảm chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thủy lợi là 28.750.000 đồng; dẫn đến tăng thuế thu nhập doanh nghiệp là 74.392.937 đồng.

Đoàn thanh tra kiến nghị Công ty thủy lợi An Hải nộp số tiền 83.332.937 đồng (năm 2022 là 8.940.000 đồng; năm 2023 là 74.392.937 đồng) theo quyết định thu hồi tiền của Chánh thanh tra thành phố.

Trách nhiệm thuộc về Ban Giám đốc Công ty thủy lợi An Hải và các đơn vị, cá nhân liên quan thời kỳ năm 2022-2023.

2.4.2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

(1) Đối với các công trình cải tạo sửa chữa nhỏ theo kế hoạch hàng năm: Đề xuất giải pháp giám sát, quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, quy trình kiểm tra, nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu của các nhà thầu giám sát công trình chưa đầy đủ, chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Xây dựng năm 2014 thuộc trách nhiệm của các nhà thầu tư vấn giám sát và trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi An Hải.

(2) Các nhà thầu thi công không mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của nhà thầu khi thi công 03 gói thầu xây lắp thuộc giai đoạn 2 của Dự án Quán Vĩnh; Một số nội dung trong nhật ký thi công phản ánh chưa đầy đủ thực tế thi công, chưa nêu cụ thể số lượng, chủng loại, công suất máy móc, thiết bị thi công, số lượng công nhân trên công trường, ý kiến đánh giá của tư vấn giám sát thi công. Trách nhiệm thuộc về nhà thầu thi công và trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi An Hải.

(3) Việc không mua bảo hiểm công trình; thiếu Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư dự án; chậm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trách nhiệm thuộc các phòng chuyên môn và Ban giám đốc Công ty thủy lợi An Hải.

(4) Việc quyết toán công trình:

- Công tác quyết toán đối với 151/235 công trình do 08 nhà thầu thi công còn sai sót trong việc vận chuyển; dọn dẹp mặt bằng; tháo, lắp dựng phao thép,

²⁰ Công ty thủy lợi An Hải tự xác định chi phí giá vốn, tự chịu trách nhiệm với số liệu cung cấp.

vận chuyển vật tư, nhân công vận hành máy trùng lắp với chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế.

- Quyết toán đối với 03 gói thầu xây lắp thuộc Dự án Quán Vĩnh do 03 nhà thầu thi công còn sai sót liên quan đến chi phí vận chuyển, lắp dựng cầu kiện trùng lắp với chi phí đã có trong chi phí chung và các công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế.

Trách nhiệm thuộc về các nhà thầu thi công và các phòng chuyên môn thuộc Công ty thủy lợi An Hải.

(5) Đoàn thanh tra kiến nghị xử lý quyết toán của 151 công trình sửa chữa theo kế hoạch và 03 gói thầu xây lắp thuộc Dự án Quán Vĩnh số tiền là 478.523.951 đồng, trong đó: Loại trừ giá trị quyết toán số tiền là 327.349.000 đồng, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền là 57.194.202 đồng, truy thu thuế Giá trị gia tăng số tiền là 90.253.459 đồng, giảm trừ thuế giá trị gia tăng đầu ra số tiền là 3.727.290 đồng.

II. Nguyên nhân của những khuyết điểm, hạn chế

Do cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế tài chính, quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước thường xuyên thay đổi, nhiều văn bản hướng dẫn nên các Công ty thủy lợi gặp khó khăn trong quá trình áp dụng, thực hiện.

Việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật còn chưa kịp thời và việc hiểu văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ nên quá trình áp dụng, tổ chức thực hiện còn chưa đồng bộ, chính xác.

Trong quá trình thực hiện hoạt động cung cấp nước thô, một số nhà máy nước mini thiếu hợp tác, chây ỳ không nộp tiền, không thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, không thực hiện ký xác định sản lượng nước đã dùng để sản xuất nước sạch. Đồng thời, chưa có quy định xử lý cụ thể đối với các nhà máy nước mini này, dẫn đến các Công ty thủy lợi gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện ký hợp đồng và thu tiền sử dụng nước thô.

Các Công ty thủy lợi đã có nhiều văn bản đôn đốc, đề nghị các Nhà máy thanh toán tiền sử dụng nước thô; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp cùng các Công ty có biện pháp xử lý dứt điểm để thu hồi nợ như: dừng cung cấp nước thô đối với các đơn vị trên để xử lý dứt điểm nợ đọng. Tuy nhiên, việc dừng cung cấp nước thô cho các Nhà máy nước mini sẽ làm gián đoạn việc cung cấp nước sạch, trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân trong khu vực.

Ngày 19/7/2021, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 4785/UBND-TL chỉ đạo Công ty thủy lợi trước mắt vẫn phải tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước thô cho các Nhà máy nước mini trên địa bàn; thực hiện các giải pháp giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống thủy lợi, tiếp tục đôn đốc các Nhà máy nước mini thực hiện việc thanh toán tiền sử dụng dịch vụ; chủ động làm việc với các địa phương thống nhất cụ thể lộ trình dừng cung cấp nước thô đối với các Nhà máy nước mini không thực hiện chi trả tiền sử dụng dịch vụ, đồng thời đảm bảo đủ thời gian cho các địa phương chuẩn bị cơ sở pháp lý và điều kiện kỹ thuật để thay thế các Nhà máy nước mini cung cấp nước trên địa bàn.

Đơn giá sản phẩm dịch vụ tiêu nước khu công nghiệp chưa được các cơ quan có thẩm quyền quy định, do vậy các Công ty thủy lợi không có cơ sở để ký kết hợp đồng và thu tiền cung cấp sản phẩm dịch vụ trên. Chi phí phục vụ cho sản phẩm tiêu thoát nước các Công ty thủy lợi phải cân đối từ doanh thu của các dịch vụ khác nhằm đảm bảo công tác vận hành hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn quản lý.

III. Các nội dung đã thực hiện theo thẩm quyền của Chánh Thanh tra thành phố

Đoàn thanh tra kiến nghị xử lý 44 đơn vị, công ty với số tiền 1.979.203.979 đồng, trong đó:

- Kiến nghị xử lý thu hồi tiền đối với 43 đơn vị tham gia thực hiện các công trình trong niên độ 2022 -2023 số tiền là 1.427.059.216 đồng.
- Kiến nghị xử lý nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng đối với 09 đơn vị với số tiền là 415.608.513 đồng.
- Kiến nghị 05 đơn vị giảm trừ số tiền thuế giá trị gia tăng đối với phần xây lắp đã thực hiện được Chủ đầu tư thanh toán với số tiền là 131.559.250 đồng.
- Kiến nghị Chủ đầu tư giảm trừ quyết toán đối với 01 đơn vị tham gia thực hiện 04 công trình số tiền là 4.977.000 đồng.

Chánh Thanh tra thành phố đã ban hành các quyết định xử lý thu hồi tiền nộp ngân sách nhà nước đối với 44 đơn vị với tổng số tiền là 1.842.667.729 đồng.

Hiện có 44/44 đơn vị, công ty đã thực hiện nghiêm túc các quyết định thu tiền của Chánh Thanh tra thành phố và nộp tiền về ngân sách nhà nước với số tiền là 1.842.667.729 đồng.

(Số liệu chi tiết tại các Biểu số 3A, 3B, 3C, 3D)

III. Kiến nghị

Từ những nội dung kết luận, nhận xét, đánh giá nêu trên, Thanh tra thành phố kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các nội dung sau:

- (1) Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 - Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các Công ty TNHH thủy lợi thực hiện đúng các quy định về quản lý thu, chi tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đối với các công trình nông nghiệp chuyên ngành.
 - Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá sản phẩm giá dịch vụ thủy lợi khác (*Tiêu nước cho khu công nghiệp*) thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy tại khoản 5 Điều 73 Luật Giá năm 2023.

(2) Chỉ đạo 04 Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi (Đa Độ, An Hải, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng): Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục ngay các khuyết điểm, hạn chế mà Kết luận thanh tra đã nêu trong công tác quản lý tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản.

1. Đối với Sở Tài chính

(1) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các Công ty thủy lợi thực hiện đúng các quy định về quản lý thu chi tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, không để xảy ra thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước, bảo toàn vốn nhà nước. ✓

(2) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Công ty thủy lợi tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác (*Tiêu nước cho khu công nghiệp*).

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(1) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, hướng dẫn các Công ty thủy lợi thực hiện đúng các quy định về quản lý thu chi tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đối với các công trình nông nghiệp chuyên ngành.

(2) Phối hợp với Sở Tài Chính, các Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi xây dựng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác (*Tiêu nước cho khu công nghiệp*).

3. Đối với Cục thuế thành phố

(1) Chỉ đạo các Chi cục thuế khu vực Kiến An - An Lão; Vĩnh Bảo - Tiên Lãng: Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát nghĩa vụ thuế và hóa đơn thuế giá trị gia tăng đầu ra của các nhà máy nước mini; phối hợp với các Công ty thủy lợi trong việc xác định sản lượng nước thô cung cấp cho các nhà máy nước mini, tránh bỏ sót sản lượng thu.

(2) Chỉ đạo các Chi cục thuế khu vực quản lý doanh nghiệp xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế đối với các đơn vị mà Đoàn thanh tra đã nêu (*Chi tiết tại Biểu số 04*).

4. Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện (Kiến An, Hải An, Dương Kinh, Kiến Thụy, An Dương, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão...)

Chỉ đạo các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp, hỗ trợ các Công ty Khai thác công trình thủy lợi trong việc cung cấp nước thô, thu đúng thu đủ tiền nước thô đối với các nhà máy nước mini cố tình không hợp tác.

5. Đối với 04 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi: Đa Độ, An Hải, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo:

(1) Tổ chức kiểm điểm, nghiêm túc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục ngay các khuyết điểm, hạn chế mà Kết luận thanh tra đã nêu trong công tác quản lý tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản.

(2) Tăng cường công tác quản lý thu chi tài chính; thực hiện công tác kê khai thuế theo quy định; thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

(3) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

(4) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện ký hợp đồng cung cấp nước thô, kiểm soát khối lượng nước thô đầu vào, đầu ra của các nhà máy nước mini làm căn cứ ký và thanh lý hợp đồng cung cấp nước thô. Đồng thời, kiên quyết thực hiện các biện pháp để thu hồi dứt điểm số tiền dịch vụ công ích thủy lợi và tiền nước thô còn nợ đọng, tránh thất thoát ngân sách.

(5) Chấp hành nghiêm các quy định của Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng; chủ động chủ trì cùng các đơn vị tư vấn trong suốt quá trình lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư. Thực hiện lưu trữ hồ sơ đúng theo quy định để đảm bảo có đầy đủ hồ sơ khi quyết toán dự án hoàn thành.

(6) Đôn đốc các nhà thầu thi công công trình trong niên độ 2022-2023, khắc phục các tồn tại, hạn chế mà Kết luận thanh tra đã nêu.

6. Đối với các nhà thầu thi công

(1) Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xây dựng trong quá trình khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật; thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.

(2) Công ty cổ phần tổng hợp Thành Đức thực hiện giám trừ khi quyết toán 04 công trình do Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Tiên Lãng làm chủ đầu tư với số tiền 4.977.000 đồng/.

Nơi nhận:

- CT UBNDTP; } (để b/c)
- PCT UBNDTP L.A.Quân; }
- Chánh TTTP;
- Các PCTTTP: Lê Lương, V.A. Thụ;
- Các Công ty TNHH MTV KTCTTL: Đa Độ, An Hải, Vĩnh Bảo và Tiên Lãng;
- Các Phòng: NV5, VP;
- Lưu: VT, NV1. ↓



CHÁNH THANH TRA

Bùi Thị Hồng Vân